TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-ĐẮKLẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/8/2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Bà Lê Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Phan Thị N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 12 (nay là thôn 15), xã EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Ông Trần Minh H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 12 (nay là thôn 15), xã EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (N) và ông Trần Minh H sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phong M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Phong M,

tỉnh Đồng Tháp) được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/6/2011, trên cơ sở tự nguyện.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông H không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm và chăm sóc cho gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Minh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2011 và Trần Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/10/2022. Từ ngày vợ chồng tôi ly thân thì các con chung sống cùng với tôi nhưng ông H không quan tâm, chăm sóc cho các con chung; tôi buôn bán thu nhập ổn định, trong khi ông H không có việc làm ổn định. Do đó, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung T và L đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Trần Minh H nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Minh H; Về con

chung: giao 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2011 và Trần Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/10/2022 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Minh H. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Trần Minh H được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Minh H là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Phan Thị N và ông Trần Minh H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Phong M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 29/6/2011 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính tại quyền địa phương nơi đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Phan Thị N và ông Trần Minh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, bà N buôn bán, thu nhập ổn định. Trong quá trình chung sống thì 02 con chung Trần Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2011 và Trần Ngọc

Thảo L, sinh ngày 22/10/2022 do bà N nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống, trong khi ông H không quan tâm và chăm sóc cho các con chung, không có công việc ổn định. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung được thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, cũng như đáp ứng được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt của các con chung là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Trần Minh H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Phan Thị N phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004961 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. ***Về hôn nhân:*** Tuyên xử bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Minh H.

2. ***Về con chung:*** Giao con chung Trần Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2011 và Trần Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/10/2022 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Trần Minh H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị N phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004961 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Ba

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Phong M, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.